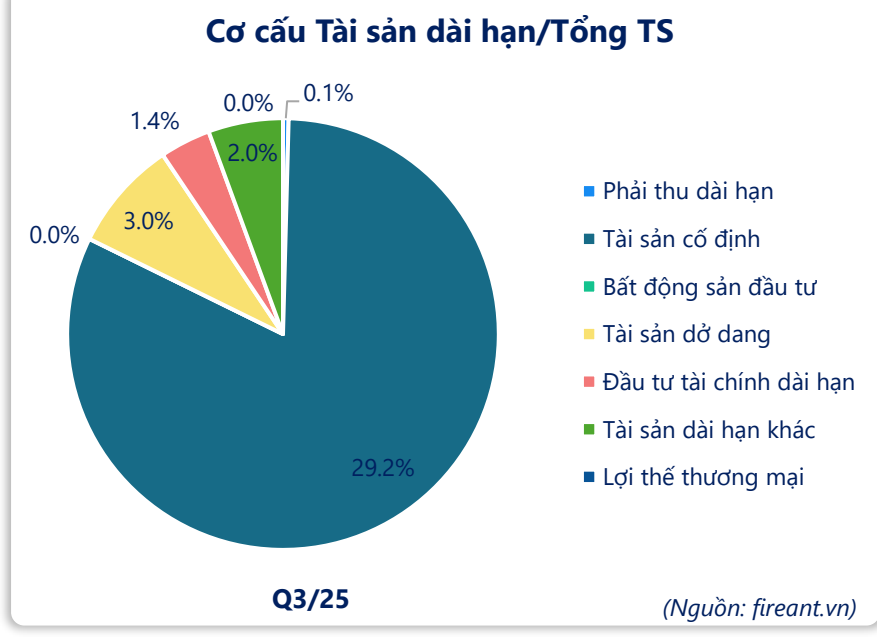
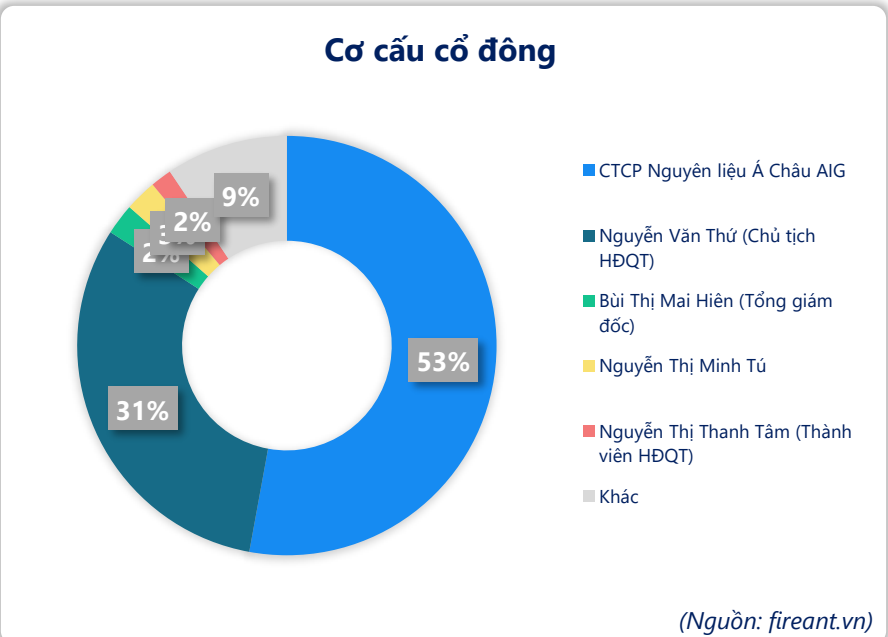
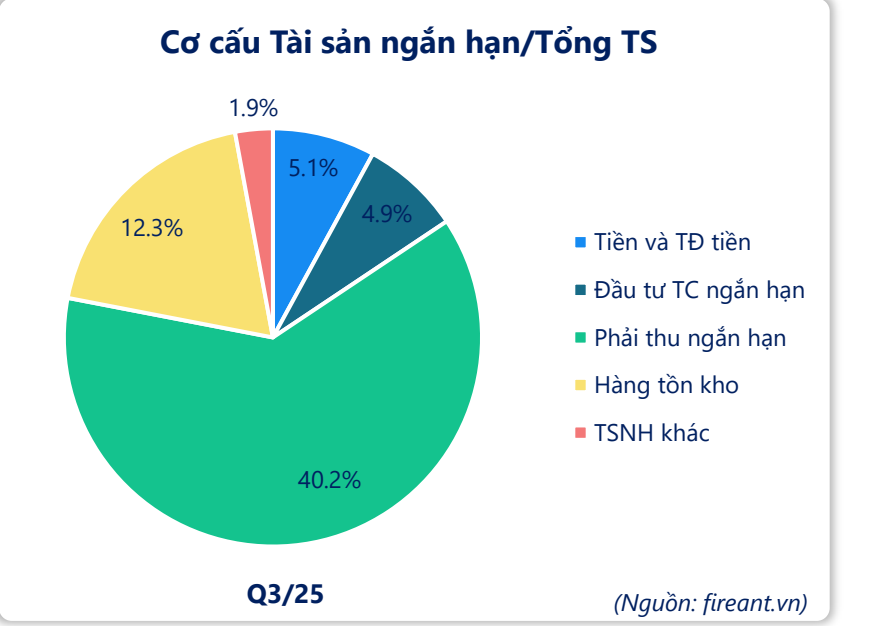
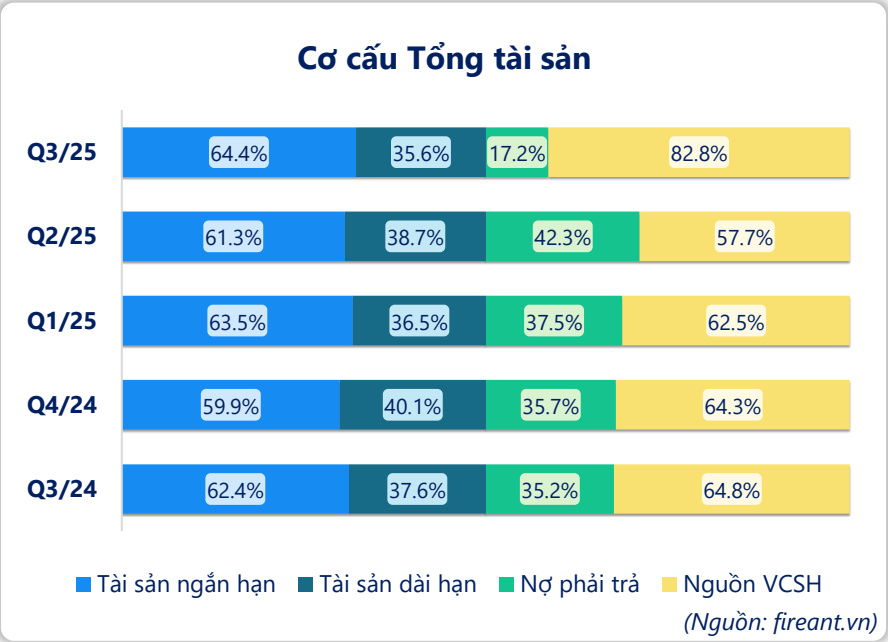
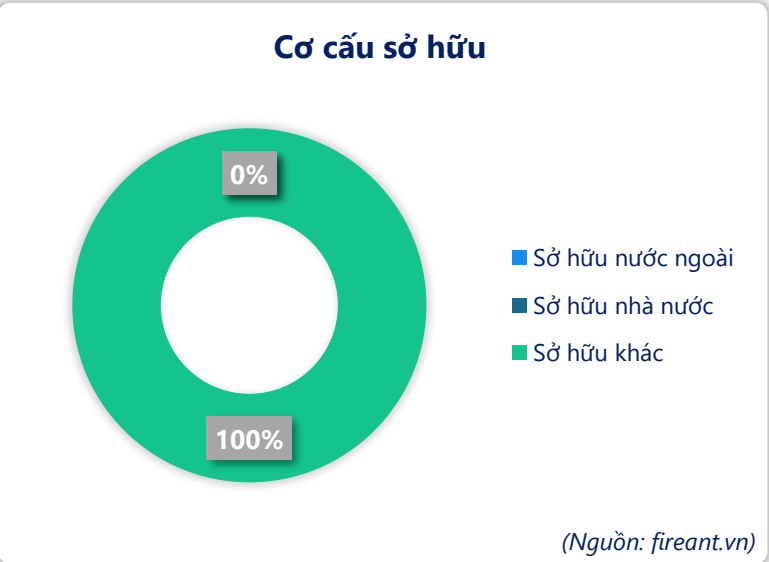
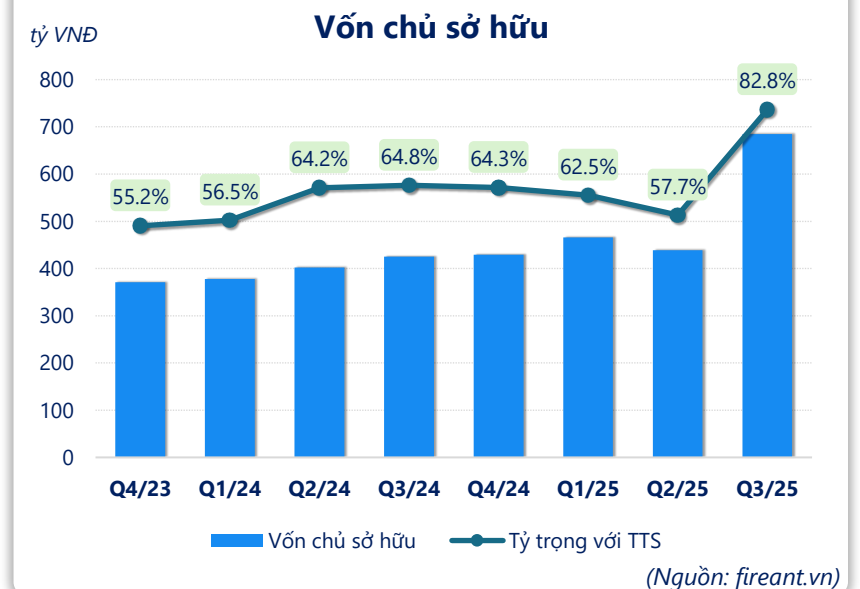
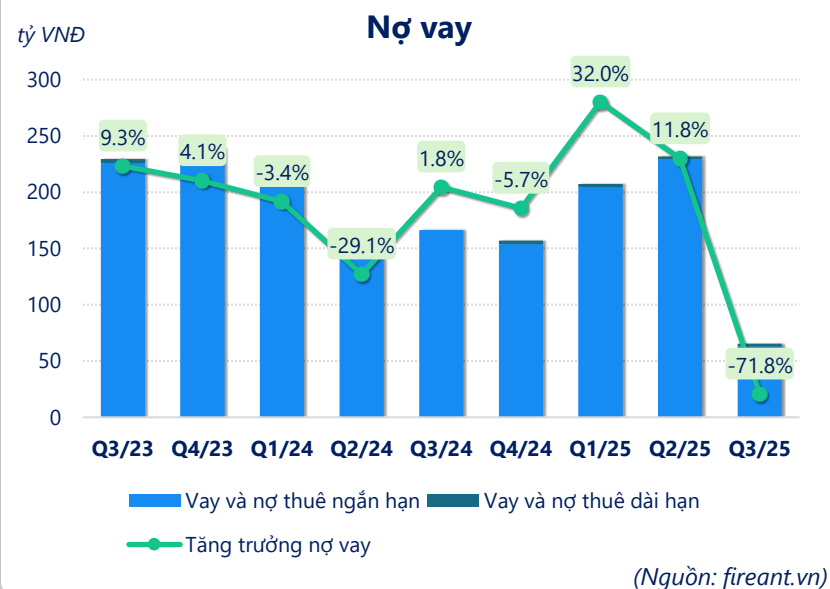
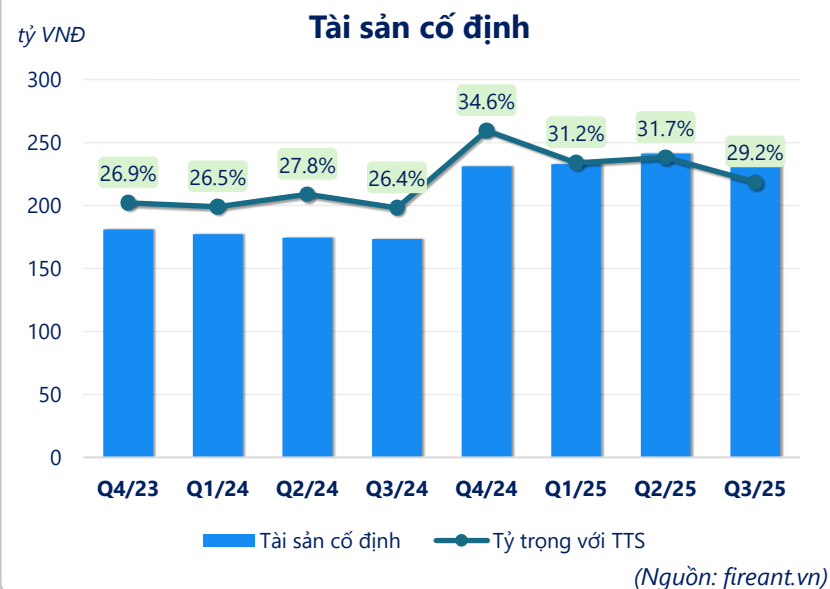
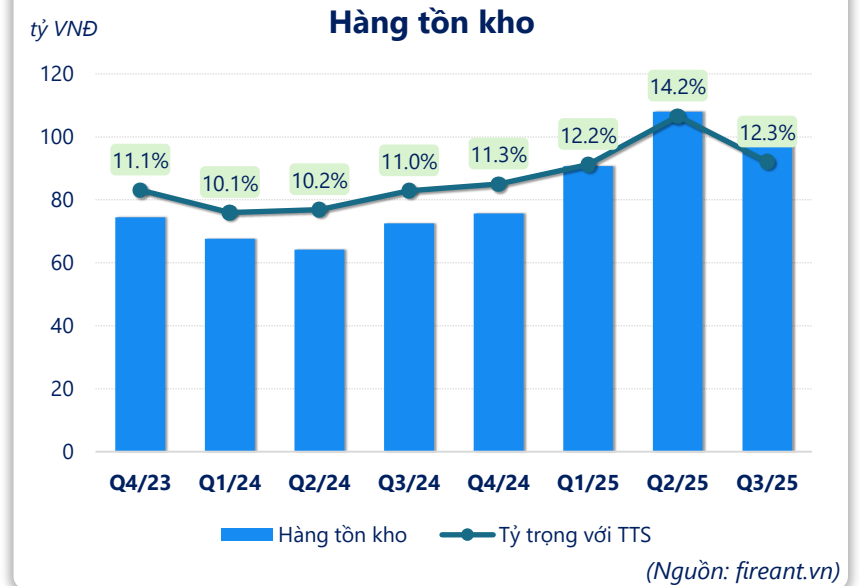
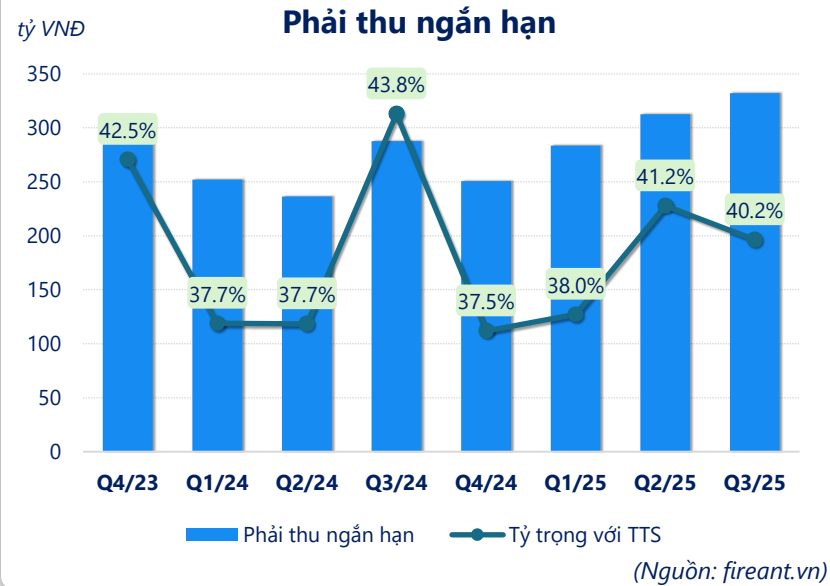
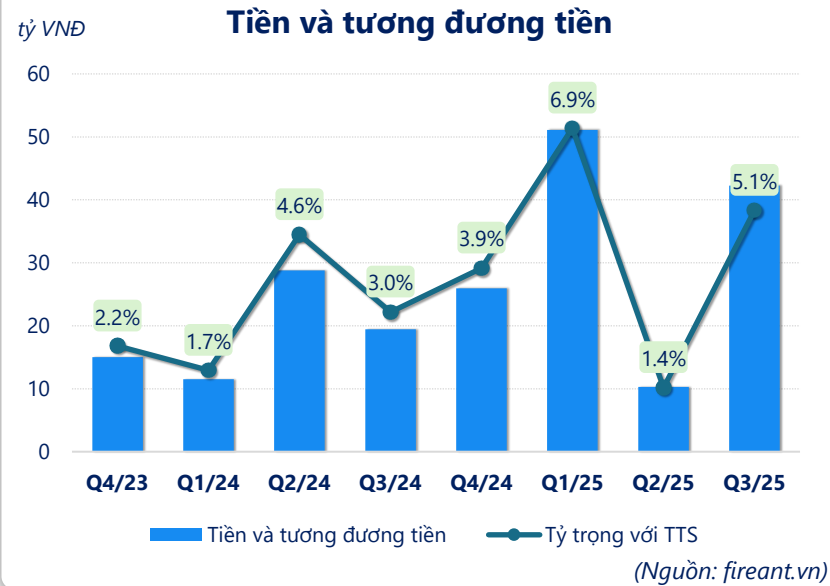
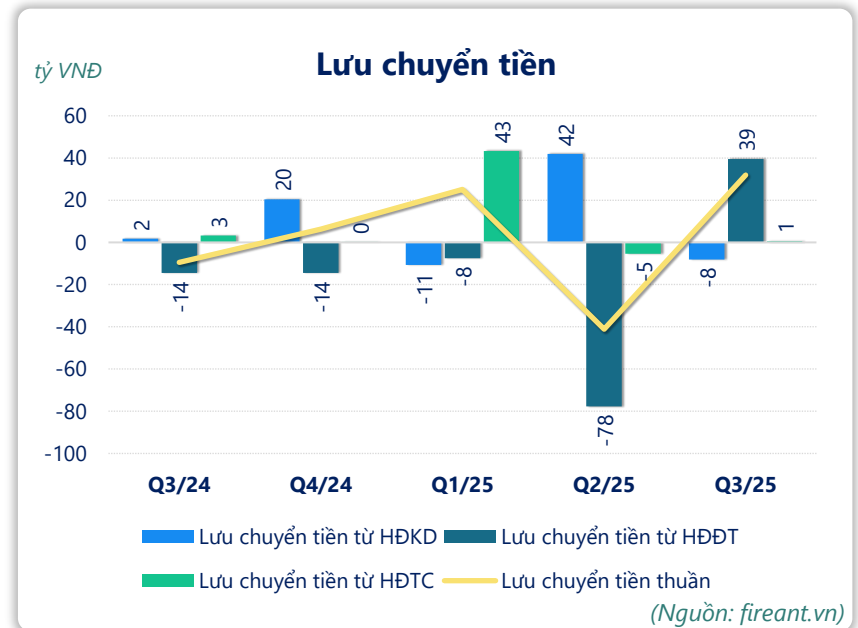
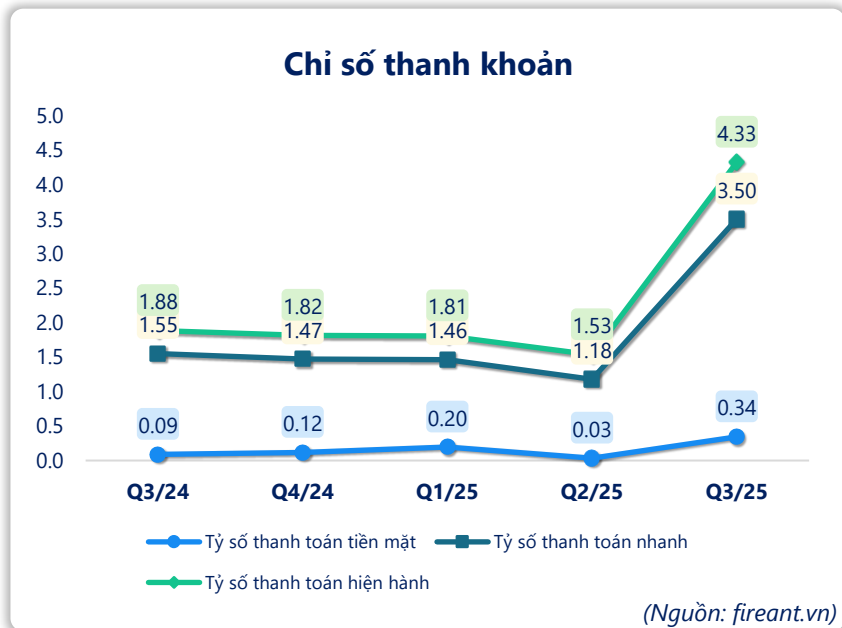
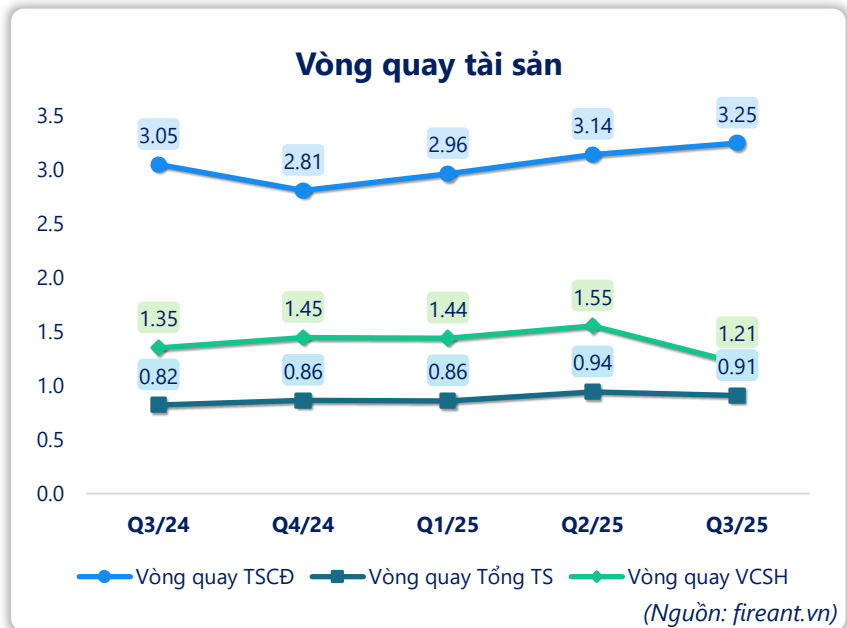
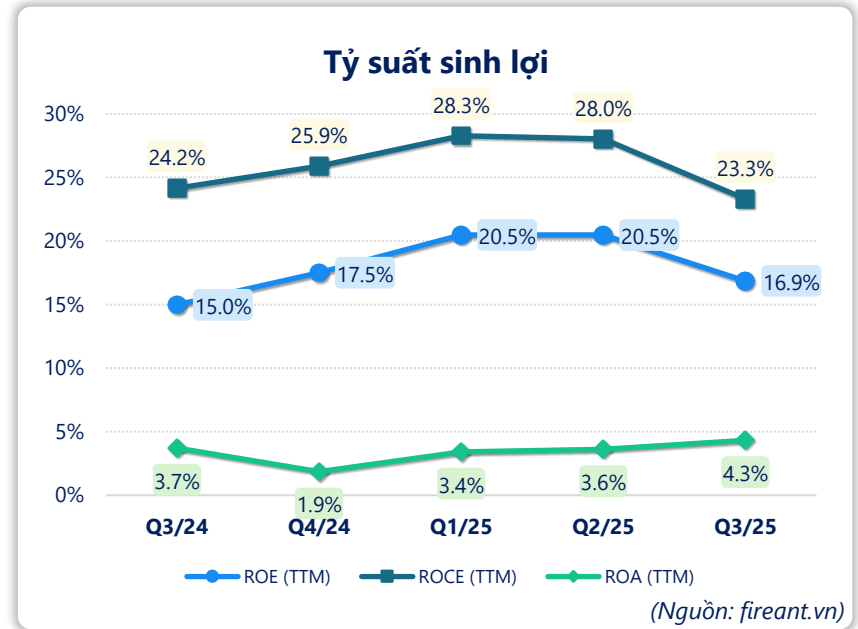
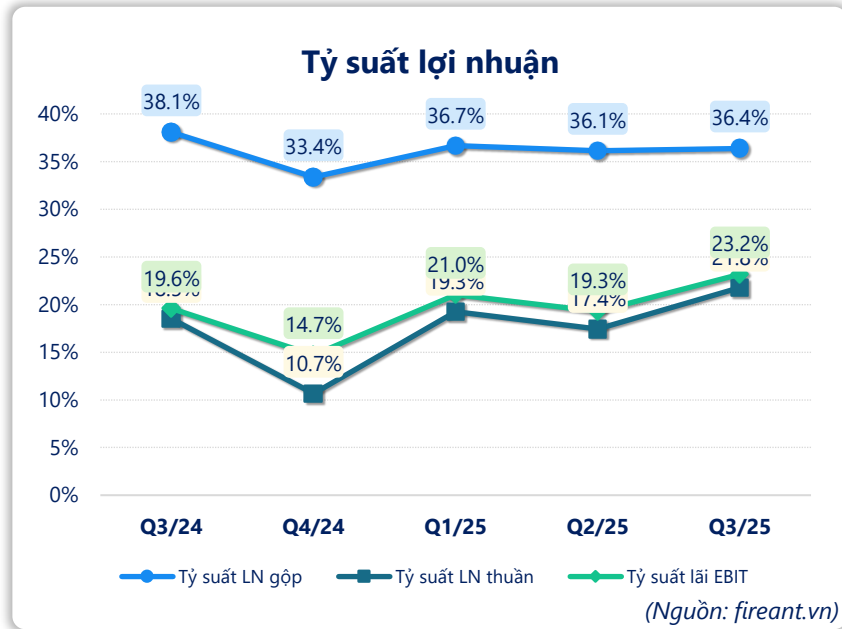
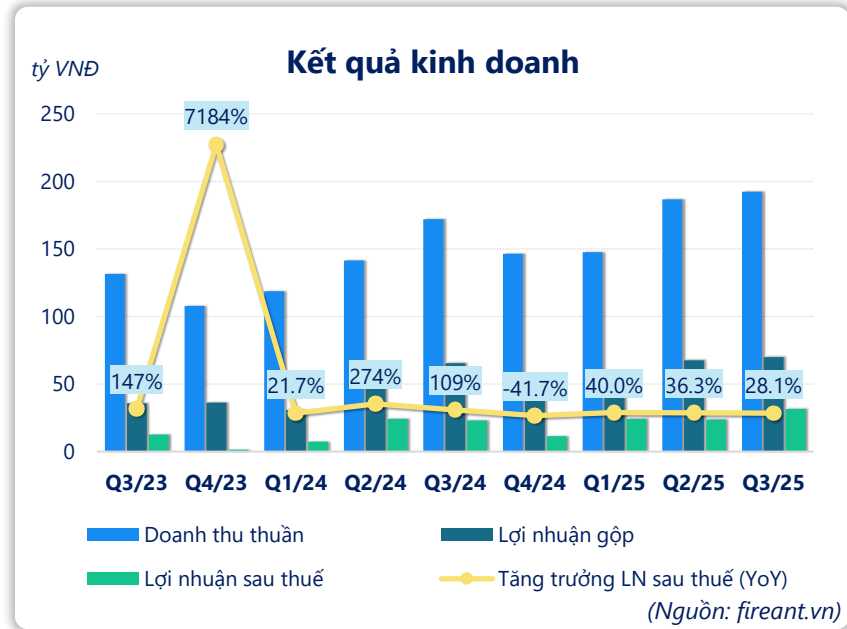


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		34,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		36,600
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		19,179
SL cổ phiếu LH		39,314,999
KLGD BQ 20 phiên (CP)		2,105
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		1,337
P/E		14.3
EPS		2,381

	YTD	1T	3T	6T
GCF	49.1%	-2.9%	9.7%	37.1%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	827	665	24.3%
Tài sản ngắn hạn	532	396	34.4%
Tiền và tương đương tiền	42.2	26.0	62.7%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	40.9	35.8	14.2%
Phải thu ngắn hạn	332	247	34.7%
Hàng tồn kho	101	75.2	34.9%
Tài sản ngắn hạn khác	15.5	12.3	25.7%
Tài sản dài hạn	295	269	9.5%
Phải thu dài hạn	1.23	2.11	-41.4%
Tài sản cố định	241	188	28.2%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	24.5	53.2	-53.9%
Đầu tư tài chính dài hạn	11.2	11.3	-0.7%
Tài sản dài hạn khác	16.5	14.5	14.0%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	142	238	-40.3%
Nợ ngắn hạn	123	220	-44.2%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	62.8	154	-59.3%
Phải trả người bán ngắn hạn	20.1	22.2	-9.8%
Nợ dài hạn	18.9	17.6	7.8%
Vay và nợ thuê dài hạn	2.68	2.52	6.3%
Nguồn vốn chủ sở hữu	685	427	60.4%
Vốn chủ sở hữu	685	427	60.4%
Vốn điều lệ	393	307	28.1%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	172	147	148	187	192
Giá vốn hàng bán	107	97.6	93.5	119	122
Lợi nhuận gộp	65.5	48.9	54.1	67.5	70.0
Doanh thu HĐTC	0.13	4.47	0.63	1.65	0.42
Chi phí TC	3.53	5.76	2.72	3.82	3.13
Chi phí lãi vay	1.84	5.89	2.53	3.67	3.08
LN trong công ty LKLD	-0.03	0	0	0.02	-0.02
Chi phí bán hàng	9.45	13.6	10.7	11.1	12.6
Chi phí QLDN	20.8	18.4	12.9	21.6	12.7
LN thuần từ HĐKD	31.8	15.6	28.4	32.6	41.9
Lợi nhuận khác	0.02	0.03	0.09	-0.21	-0.40
LN trước thuế	31.8	15.6	28.5	32.4	41.5
Lợi nhuận sau thuế	22.9	11.4	24.1	23.8	31.6
LNST của CĐ cty mẹ	24.5	12.4	24.2	25.0	32.0

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	1.68	20.5	-10.6	41.9	-8.14
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-14.4	-14.4	-7.52	-77.7	39.5
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	3.23	0.21	43.3	-5.33	0.58
Tiền đầu kỳ	28.8	19.4	26.0	51.1	10.3
Lưu chuyển tiền thuần	-9.54	6.28	25.2	-41.1	31.9
Ảnh hưởng tỷ giá	0.17	0.27	0	0.30	0.02
Tiền cuối kỳ	19.4	26.0	51.1	10.3	42.2

(Nguồn: fireant.vn)